

BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 2584 /BKHCN-TCCB
V/v phối hợp xây dựng phương án quy
hoạch các tổ chức KH&CN công lập
thuộc thẩm quyền quản lý

Hà Nội, ngày 21 tháng 9 năm 2021

Kính gửi:

- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Các Đại học quốc gia, Đại học vùng;
- Các tập đoàn kinh tế, tổng công ty nhà nước.

Thực hiện Quyết định số 279/QĐ-TTg ngày 26/02/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt nhiệm vụ lập Quy hoạch mạng lưới tổ chức khoa học và công nghệ công lập thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 (quy hoạch ngành quốc gia), Bộ Khoa học và Công nghệ trân trọng đề nghị Quý Cơ quan phối hợp thực hiện nhiệm vụ **“Lập Phương án quy hoạch hệ thống tổ chức khoa học và công nghệ công lập thuộc thẩm quyền quản lý của bộ, ngành thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050”** (sau đây gọi tắt là Phương án Quy hoạch) để đóng góp vào quy hoạch chung quốc gia. Đây là nhiệm vụ quan trọng, có ý nghĩa điều chỉnh toàn bộ hệ thống tổ chức khoa học và công nghệ công lập trên phạm vi cả nước trong giai đoạn mới, đồng thời là một nội dung để tích hợp vào các quy hoạch quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh. Vì vậy, Bộ Khoa học và Công nghệ trân trọng đề nghị Quý Cơ quan quan tâm, chỉ đạo, bố trí các nguồn lực và cung cấp các thông tin cho việc thực hiện nhiệm vụ nêu trên. Cụ thể:

1. Tổ chức triển khai thực hiện theo các bước:

(1) Xây dựng dự thảo Phương án Quy hoạch hệ thống các tổ chức khoa học và công nghệ thuộc thẩm quyền quản lý (theo Đề cương gửi kèm theo Công văn này);

(2) Lấy ý kiến góp ý rộng rãi của các tổ chức, cá nhân có liên quan;

(3) Hoàn thiện Phương án Quy hoạch được đề xuất.

2. Tiến độ thực hiện: Bộ Khoa học và Công nghệ trân trọng đề nghị Quý cơ quan gửi Phương án Quy hoạch về Bộ Khoa học và Công nghệ **trước ngày 20/12/2021** để tham gia vào Quy hoạch mạng lưới tổ chức khoa học và công nghệ quốc gia, báo cáo các cấp có thẩm quyền theo quy định.

Đề nghị Quý Cơ quan gửi thông tin (tên, số điện thoại, địa chỉ email) đơn vị và cán bộ đầu mối chủ trì xây dựng Phương án Quy hoạch của bộ/ngành mình về Bộ Khoa học và Công nghệ (qua Vụ Tổ chức cán bộ) trước ngày 08/10/2021.

Thông tin chi tiết xin liên hệ Vụ Tổ chức cán bộ - Bộ Khoa học và Công nghệ, số điện thoại 024.35560618, 0913522745 (bà Nguyễn Thị Thúy Hiền).

Trân trọng cảm ơn sự quan tâm, phối hợp của Quý Cơ quan./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Lưu: VT, TCCB.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG



Trần Văn Tùng

Trần Văn Tùng

Đề cương

Báo cáo đề xuất phương án quy hoạch Hệ thống các tổ chức khoa học và công nghệ công lập thuộc thẩm quyền quản lý của các bộ, ngành thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050

(kèm theo Công văn số 2584 /BKHCN-TCCB ngày 21 tháng 9 năm 2021)

Căn cứ hướng dẫn tại: khoản 3 Điều 25 Luật Quy hoạch; Điều 23 và Mục X Phụ lục II Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07/5/2019 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch; Quyết định số 279/QĐ-TTg ngày 26/02/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Nhiệm vụ lập quy hoạch mạng lưới tổ chức KH&CN công lập thời kỳ 2021-2030 tầm nhìn đến năm 2050.

ĐỐI TƯỢNG LẬP PHƯƠNG ÁN QUY HOẠCH

Các tổ chức khoa học và công nghệ công lập được cấp giấy đăng ký hoạt động khoa học và công nghệ (sau đây viết tắt là KH&CN) thuộc thẩm quyền quản lý của Quý Cơ quan, bao gồm: trực thuộc Quý cơ quan, trực thuộc các đơn vị của Quý Cơ quan (tổng cục và tương đương, cục và tương đương, đơn vị sự nghiệp, trực thuộc các trường đại học¹, doanh nghiệp).

NỘI DUNG

I. Các văn bản chỉ đạo, chiến lược, quy hoạch của bộ, ngành

Các văn bản là căn cứ để đề xuất quy hoạch tổ chức KH&CN của bộ, ngành. (Lưu ý: trong phần này các bộ, ngành chỉ dẫn ra các nội dung có liên quan đến các tổ chức KH&CN công lập.)

II. Báo cáo về mạng lưới tổ chức khoa học và công nghệ thuộc thẩm quyền quản lý

2.1 Phân tích bối cảnh chung tác động đến hệ thống tổ chức KH&CN công lập thuộc thẩm quyền quản lý của bộ, ngành

a) Phân tích, đánh giá về các yếu tố, điều kiện tự nhiên, nguồn lực, bối cảnh tác động đến hệ thống tổ chức KH&CN công lập thuộc thẩm quyền quản lý của các bộ, ngành

¹ Bao gồm các tổ chức dịch vụ KH&CN, các tổ chức trung gian của thị trường KH&CN,...

- Phân tích các yêu cầu đặt ra đối với các tổ chức KH&CN công lập thuộc thẩm quyền quản lý của bộ, ngành trong Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 2021-2030 đã được thông qua tại Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XIII, đặc biệt là quan điểm về phát triển KH&CN trong giai đoạn 2021-2030.

- Phân tích, đánh giá về hệ thống chính sách pháp luật đối với phát triển tổ chức KH&CN công lập thuộc thẩm quyền quản lý (về ưu đãi đối với tổ chức KH&CN công lập; về tổ chức thực hiện chính sách ưu đãi, trọng dụng nhân lực KH&CN; về các nguồn lực dành cho hoạt động KH&CN;...).

- Đánh giá tình hình thực hiện các quy hoạch đã được phê duyệt có liên quan đến hệ thống tổ chức KH&CN công lập thuộc thẩm quyền quản lý của bộ, ngành trong giai đoạn 2021-2030 (Căn cứ pháp lý và khoa học; Những kết quả đạt được; Những hạn chế, thách thức; Kiến nghị, đề xuất;...)

b) Dự báo xu thế phát triển và các kịch bản phát triển ảnh hưởng trực tiếp đến hệ thống tổ chức KH&CN công lập thuộc thẩm quyền quản lý của bộ, ngành

- Phân tích, đánh giá, dự báo tác động của sự dịch chuyển về địa chính trị, địa kinh tế toàn cầu.

- Phân tích, đánh giá, dự báo tác động của toàn cầu hóa, hội nhập quốc tế, các luồng đầu tư, thương mại, tài chính.

- Phân tích, đánh giá, dự báo tác động của cuộc các mạng công nghiệp lần thứ tư, hoạt động đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số.

- Phân tích, đánh giá, dự báo tác động từ những vấn đề nổi lên trong phát triển của đất nước.

c) Đánh giá về liên kết ngành, liên kết vùng; xác định yêu cầu phát triển kinh tế-xã hội đối với ngành; những cơ hội và thách thức đối với hệ thống tổ chức KH&CN công lập thuộc thẩm quyền quản lý của bộ, ngành

- Phân tích, đánh giá sự phối hợp giữa các ngành, lĩnh vực nhằm phát triển và nâng cao hiệu quả hoạt động của các tổ chức KH&CN công lập thuộc thẩm quyền quản lý của bộ, ngành.

- Đánh giá liên kết giữa các tổ chức KH&CN công lập do bộ, ngành quản lý với các tổ chức KH&CN trong cùng địa bàn (tỉnh/vùng) không do bộ, ngành quản lý (nếu có).

- Đánh giá liên kết giữa các tổ chức KH&CN công lập khác nhau do bộ, ngành quản lý.

- Phân tích, đánh giá, dự báo tác động của rủi ro, thiên tai và biến đổi khí

hậu đối với sự phát triển của hệ thống tổ chức KH&CN công lập thuộc thẩm quyền quản lý của bộ, ngành.

2.2 Thực trạng hệ thống mạng lưới các tổ chức KH&CN thuộc thẩm quyền quản lý của bộ, ngành

a) Phân tích đánh giá vị thế, vai trò của hệ thống các tổ chức KH&CN công lập thuộc thẩm quyền quản lý của bộ, ngành trong phạm vi bộ, ngành; phạm vi quốc gia; phạm vi khu vực hoặc quốc tế.

b) Phân tích cấu trúc Mạng lưới tổ chức KH&CN.

- Theo cơ cấu: cơ cấu theo cơ quan quản lý (trực thuộc bộ, ngành; trực thuộc tổng cục và tương đương; trực thuộc cục và tương đương; trực thuộc đơn vị sự nghiệp, doanh nghiệp trực thuộc Quý Cơ quan); cơ cấu theo lĩnh vực hoạt động (6 lĩnh vực: Khoa học Tự nhiên; Khoa học Kỹ thuật và công nghệ; Khoa học Y dược; Khoa học Nông nghiệp; Khoa học Xã hội; Khoa học Nhân văn); cơ cấu theo chức năng, nhiệm vụ (gồm: tổ chức phục vụ quản lý nhà nước; tổ chức cung cấp dịch vụ sự nghiệp công cơ bản thiết yếu; tổ chức phục vụ công ích của nhà nước); cơ cấu theo mức độ tự chủ. *Số liệu tại Biểu 1.*

- Theo quy mô tổ chức: nhân lực; thực trạng cơ sở vật chất, thiết bị; tài chính (tính trong 5 năm 2016-2020). *Số liệu tại Biểu 2, 3, 4.*

- Theo năng lực nghiên cứu phát triển, cung ứng dịch vụ KH&CN. *Số liệu tại Biểu 5.*

Số liệu về thực trạng Hệ thống tổ chức KH&CN tại Biểu 1 đến 5, được tổng hợp từ Báo cáo tình hình hoạt động hàng năm của tổ chức khoa học và công nghệ.

Từ hiện trạng nêu trên, phân tích để đưa ra các đánh giá sau:

- Đánh giá, phân tích vị thế, vai trò của từng tổ chức KH&CN thuộc thẩm quyền quản lý của bộ, ngành trong hệ thống các tổ chức KH&CN của ngành, lĩnh vực.

- Đánh giá mức độ đáp ứng của các tổ chức KH&CN công lập trong phạm vi quản lý của bộ, ngành với định hướng (hoặc chiến lược) phát triển trong lĩnh vực mà bộ, ngành quản lý.

c) Phân tích, đánh giá thực trạng phân bổ, sử dụng không gian của Mạng lưới tổ chức KH&CN của thời kỳ quy hoạch trước (2016-2020)

- Phân tích, đánh giá thực trạng phân bổ, sử dụng không gian của Mạng lưới tổ chức KH&CN thời kỳ quy hoạch trước

- Đánh giá tính hợp lý và xác định các vấn đề mâu thuẫn, điểm xung đột

trong bố trí Mạng lưới tổ chức KH&CN của thời kỳ quy hoạch trước; Xác định điểm mạnh, điểm yếu, cơ hội, thách thức...

III. Báo cáo phương án quy hoạch hệ thống tổ chức KH&CN công lập thuộc thẩm quyền quản lý của bộ, ngành thời kỳ 2021-2030 tầm nhìn đến năm 2050

3.1 Xác định các quan điểm, mục tiêu phát triển hệ thống tổ chức KH&CN công lập thuộc thẩm quyền quản lý thời kỳ 2021-2030 tầm nhìn đến năm 2050

- a) Quan điểm phát triển
- b) Mục tiêu phát triển

Từ quan điểm, mục tiêu, nguyên tắc lập quy hoạch tại Quyết định số 279/QĐ-TTg, nêu những nội dung cụ thể hóa, đặc thù của Quý Cơ quan về quan điểm phát triển, mục tiêu phát triển Mạng lưới tổ chức KH&CN trong thời kỳ quy hoạch.

3.2 Phương án phát triển hệ thống tổ chức KH&CN công lập thuộc thẩm quyền quản lý

Phương án phát triển các tổ chức KH&CN công lập được phân kỳ theo hai giai đoạn: 2021-2030, 2031-2050. Cụ thể như sau:

a) Phương án quy hoạch cấu trúc hệ thống tổ chức KH&CN: về tăng, giảm số lượng tổ chức; về điều chỉnh quy mô các tổ chức; về điều chỉnh chức năng, nhiệm vụ, vị trí pháp lý của các tổ chức; về nâng cao tính tự chủ, tự chịu trách nhiệm của các tổ chức KH&CN công lập; ... *Tổng hợp về Phương án quy hoạch cấu trúc hệ thống tổ chức KH&CN tại Biểu 6.*

b) Phương án đầu tư cơ sở vật chất, nguồn nhân lực để đáp ứng nhu cầu phát triển hệ thống tổ chức KH&CN.

c) Định hướng phân bố không gian các tổ chức KH&CN. *Tổng hợp về Phương án phân bố không gian các tổ chức KH&CN tại Biểu 7.*

d) Phương án bố trí sử dụng đất cho phát triển hệ thống tổ chức KH&CN và các hoạt động KH&CN. *Tổng hợp về Phương án bố trí sử dụng đất cho các tổ chức KH&CN tại Biểu 8.*

3.3 Đề xuất Danh mục dự án² quan trọng quốc gia, dự án ưu tiên đầu tư của ngành và thứ tự ưu tiên thực hiện

a) Xác định các tiêu chí ưu tiên đầu tư

Các tiêu chí cần bám sát quy định về tiêu chí phân loại dự án quan trọng quốc gia (quy định tại Điều 7 Luật Đầu tư công).

b) Đề xuất danh mục các dự án theo thứ tự ưu tiên

Mỗi dự án mô tả theo các nội dung sau:

- Tên dự án
- Sự cần thiết đầu tư
- Mục tiêu, quy mô, địa điểm, phạm vi đầu tư và nội dung đầu tư
- Dự kiến tổng mức đầu tư và cơ cấu nguồn vốn đầu tư
- Dự kiến tiến độ triển khai thực hiện đầu tư, dự kiến kế hoạch bố trí vốn phù hợp với điều kiện thực tế và khả năng huy động các nguồn lực theo thứ tự ưu tiên hợp lý, bảo đảm đầu tư tập trung, có hiệu quả

Tổng hợp Danh mục dự án đầu tư theo Biểu 9.

² Một số loại hình dự án đầu tư công ngành KH&CN có thể đề xuất ưu tiên đầu tư trên địa bàn các tỉnh bao gồm:

- Các dự án tăng cường nguồn lực cơ sở vật chất, hạ tầng phục vụ phát triển KH,CN&ĐMST. Ví dụ: Các dự án đầu tư, xây dựng: Khu phát triển công nghệ, Khu đổi mới sáng tạo, Khu nghiên cứu phát triển địa phương; Khu ươm tạo công nghệ, phát triển doanh nghiệp dựa trên nền tảng công nghệ; Khu thí nghiệm, thử nghiệm; Khu chia sẻ thiết bị dùng chung; Khu kiểm định kiểm chuẩn sản phẩm....

- Các dự án tăng cường nguồn lực mạng lưới, thông tin, truyền thông phục vụ phát triển KH,CN&ĐMST. Ví dụ: Các dự án Công viên khoa học; bảo tàng KH,CN&ĐMST, Trung tâm thông tin khoa học; Sàn giao dịch công nghệ; Khu triển lãm trưng bày công nghệ; Không gian đổi mới sáng tạo; Các không gian hoặc khu vực ươm tạo, phát triển công nghệ địa phương...

- Các dự án phát triển mạng lưới tổ chức trung gian của thị trường KH&CN. Ví dụ: sàn giao dịch công nghệ, trung tâm xúc tiến chuyển giao công nghệ, trung tâm ứng dụng tiến bộ KH&CN, tổ chức cung cấp dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp; tổ chức thẩm định, giám định công nghệ; cơ sở ươm tạo công nghệ, ươm tạo doanh nghiệp KH&CN; trung tâm hỗ trợ đổi mới sáng tạo; trung tâm khởi nghiệp đổi mới sáng tạo,...

- Các dự án liên ngành, liên lĩnh vực lấy KH,CN&ĐMST làm nền tảng ...

- Các dự án đặc thù của Quý Cơ quan phù hợp với định hướng phát triển của ngành, lĩnh vực

- ...

Mỗi dự án cần phân định được nhu cầu đầu tư, các tiêu chí lựa chọn đầu tư, quy mô đầu tư, phạm vi và nguồn vốn, hình thức đầu tư theo điều kiện, đặc điểm của Quý Cơ quan.

3.4 Giải pháp thực hiện quy hoạch

- Giải pháp về cơ chế, chính sách
- Giải pháp về phát triển nguồn nhân lực
- Giải pháp về môi trường, giải pháp về công nghệ (nếu có)
- Giải pháp về liên kết, hợp tác phát triển
- Giải pháp về giáo dục tuyên truyền, truyền thông
- Giải pháp về hợp tác quốc tế
- Giải pháp về huy động và phân bổ vốn đầu tư
- Giải pháp về mô hình quản lý và tổ chức hoạt động
- Giải pháp về tổ chức thực hiện và giám sát thực hiện quy hoạch

IV. Cơ sở dữ liệu để phục vụ tích hợp trong Quy hoạch chung của ngành

Đối với các Cơ quan đã triển khai xây dựng quy hoạch ngành, lĩnh vực đã có các dữ liệu trong quy hoạch, đề nghị cung cấp các bản đồ, sơ đồ để tích hợp trong quy hoạch ngành quốc gia như sau: Bản đồ số và bản đồ in (tỷ lệ theo quy định tại mục IV Phụ lục 1 của Nghị định 37/2019/NĐ-CP ngày 07/05/2019 của Chính phủ.

Biểu 1: Tổng quan hiện trạng của Mạng lưới tổ chức KH&CN (thời điểm năm 2020)

TT	Tên tổ chức KH&CN	Số giấy chứng nhận đăng ký hoạt động khoa học và công nghệ	Lĩnh vực hoạt động khoa học và công nghệ chủ yếu ³	Phân loại theo chức năng, nhiệm vụ ⁴	Phân loại theo mức độ tự chủ về tài chính ⁵
I	(Tên bộ, ngành)				
1	Tổ chức KH&CN công lập trực thuộc				
-	<i>Tổ chức 1</i>				
-	<i>Tổ chức n</i>				
2	Tổ chức KH&CN trực thuộc tổng cục và tương đương				
-	<i>Tổ chức 1</i>				
-	<i>Tổ chức n</i>				
3	Tổ chức KH&CN trực thuộc cục và tương đương				
-	<i>Tổ chức 1</i>				
-	<i>Tổ chức n</i>				
4	Tổ chức KH&CN trực thuộc đơn vị sự nghiệp, doanh nghiệp trực thuộc Quý Cơ quan				
-	<i>Tổ chức 1</i>				
-	<i>Tổ chức n</i>				

³ Theo các lĩnh vực: Khoa học Tự nhiên; Khoa học Kỹ thuật và công nghệ; Khoa học Y dược; Khoa học Nông nghiệp; Khoa học Xã hội; Khoa học Nhân văn (Theo Mã cấp I của Bảng phân loại lĩnh vực nghiên cứu khoa học và công nghệ ban hành tại Quyết định số 12/2008/QĐ-BKHCN ngày 4/9/2008 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về các bảng phân loại thống kê khoa học và công nghệ và Quyết định số 37/QĐ-BKHCN ngày 14/1/2009 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ đính chính Quyết định số 12/2008/QĐ-BKHCN)

⁴ Theo phân loại tại khoản 1 Điều 5 Thông tư số 02/2021/TT-BKHCN, gồm các tổ chức khoa học và công nghệ: phục vụ quản lý nhà nước; cung cấp dịch vụ sự nghiệp công cơ bản thiết yếu; phục vụ công ích của nhà nước.

⁵ Theo phân loại tại khoản 2 Điều 5 Thông tư số 02/2021/TT-BKHCN, gồm các Tổ chức khoa học và công nghệ: tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư; tự bảo đảm chi thường xuyên; tự bảo đảm một phần chi thường xuyên; do Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên. Xác định theo hiện trạng năm 2020 và theo quy định tại Nghị định 54/2016/NĐ-CP).

**Biểu 2: Hiện trạng nhân lực của Mạng lưới tổ chức KH&CN
(thống kê năm 2020)**

Đơn vị: người

TT	Tên tổ chức KH&CN	Tổng số nhân lực	Phân loại nhân lực			Giới tính		Độ tuổi			
			Tiến sĩ	Thạc sĩ	Đại học và cao đẳng	Nam	Nữ	Đến 35 tuổi	Từ 35-55 tuổi	Từ 56-60 tuổi	Trên 60
I	(Tên bộ, ngành)										
1	Tổ chức KH&CN công lập trực thuộc										
-	<i>Tổ chức 1</i>										
-	<i>Tổ chức n</i>										
2	Tổ chức KH&CN trực thuộc tổng cục và tương đương										
-	<i>Tổ chức 1</i>										
-	<i>Tổ chức n</i>										
3	Tổ chức KH&CN trực thuộc cục và tương đương										
-	<i>Tổ chức 1</i>										
-	<i>Tổ chức n</i>										
4	Tổ chức KH&CN trực thuộc đơn vị sự nghiệp, doanh nghiệp trực thuộc Quý Cơ quan										
-	<i>Tổ chức 1</i>										
-	<i>Tổ chức n</i>										

**Biểu 3: Hiện trạng cơ sở vật chất-kỹ thuật của Mạng lưới tổ chức KH&CN
(thống kê năm 2020)**

TT	Tên tổ chức KH&CN	Diện tích trụ sở làm việc, phòng thí nghiệm (m ²)	Diện tích khu thử nghiệm, trạm, trại, khu sản xuất... (m ²)	Tổng giá trị tài sản cố định (triệu đồng)			Ghi chú
				Tổng giá trị	Trong đó		
					Giá trị trang thiết bị phục vụ nghiên cứu - phát triển	Giá trị tài sản cố định khác còn lại (trụ sở, thiết bị, văn phòng, ...)	
I	(Tên bộ, ngành)						
1	Tổ chức KH&CN công lập trực thuộc						
-	Tổ chức 1						
-	Tổ chức n						
2	Tổ chức KH&CN trực thuộc tổng cục và tương đương						
-	Tổ chức 1						
-	Tổ chức n						
3	Tổ chức KH&CN trực thuộc cục và tương đương						
-	Tổ chức 1						
-	Tổ chức n						
4	Tổ chức KH&CN trực thuộc đơn vị sự nghiệp, doanh nghiệp trực thuộc Quý Cơ quan						
-	Tổ chức 1						
-	Tổ chức n						

**Biểu 4: Hiện trạng tài chính của Mạng lưới các tổ chức KH&CN
(thống kê năm 2020)**

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	Tên tổ chức KH&CN	Tổng kinh phí chi thường xuyên	Tổng kinh phí chương trình, đề tài, dự án cấp quốc gia, cấp bộ, cấp tỉnh và cấp cơ sở do tổ chức thực hiện ⁶	Tổng kinh phí cho đầu tư phát triển	Tổng kinh phí thu sự nghiệp ⁷	Tổng các nguồn thu khác	Số tiền trích nộp thuế từ các hoạt động của tổ chức	Thu nhập bình quân tháng/đầu người	Ghi chú
I	(Tên bộ, ngành)								
1	Tổ chức KH&CN công lập trực thuộc								
-	<i>Tổ chức 1</i>								
-	<i>Tổ chức n</i>								
2	Tổ chức KH&CN trực thuộc tổng cục và tương đương								
-	<i>Tổ chức 1</i>								
-	<i>Tổ chức n</i>								
3	Tổ chức KH&CN trực thuộc cục và tương đương								
-	<i>Tổ chức 1</i>								
-	<i>Tổ chức n</i>								
4	Tổ chức KH&CN trực thuộc đơn vị sự nghiệp, doanh nghiệp trực thuộc Quý Cơ quan								
-	<i>Tổ chức 1</i>								
-	<i>Tổ chức n</i>								

⁶ Không tính kinh phí chuyển cho các tổ chức, đơn vị khác thực hiện.

⁷ Tổng kinh phí thu sự nghiệp thông qua các hợp đồng chuyển giao công nghệ, áp dụng kết quả nghiên cứu, bán sản phẩm, đào tạo, dịch vụ khoa học và công nghệ khác và sản xuất - kinh doanh các sản phẩm là kết quả nghiên cứu.

**Biểu 5: Hiện trạng tình hình hoạt động của Mạng lưới tổ chức KH&CN
(thống kê trong giai đoạn 2016-2020)**

TT	Tên tổ chức KH&CN	Số lượng Đề tài, dự án thực hiện cấp quốc gia, cấp bộ/tỉnh	Số lượng Hợp đồng dịch vụ khoa học và công nghệ thực hiện	Số lượng Bằng sáng chế độc quyền được cấp	Số lượng Bằng giải pháp hữu ích độc quyền được cấp	Số lượng Bài báo đã được đăng trên tạp chí khoa học quốc tế ⁸	Số lượng Bài báo đã được đăng trên tạp chí khoa học trong nước ⁹	Số lượng đối tác quốc tế
I	(Tên bộ, ngành)							
1	Tổ chức KH&CN công lập trực thuộc							
-	<i>Tổ chức 1</i>							
-	<i>Tổ chức n</i>							
2	Tổ chức KH&CN trực thuộc tổng cục và tương đương							
-	<i>Tổ chức 1</i>							
-	<i>Tổ chức n</i>							
3	Tổ chức KH&CN trực thuộc cục và tương đương							
-	<i>Tổ chức 1</i>							
-	<i>Tổ chức n</i>							
4	Tổ chức KH&CN trực thuộc đơn vị sự nghiệp và doanh nghiệp trực thuộc Quý Cơ quan							
-	<i>Tổ chức 1</i>							
-	<i>Tổ chức n</i>							

⁸ Tạp chí khoa học quốc tế được thống kê trong cơ sở dữ liệu Scopus và ISI.

⁹ Tạp chí khoa học trong nước có mã số chuẩn quốc tế ISSN, thuộc Danh mục tạp chí được tính điểm của Hội đồng giáo sư ngành, liên ngành hằng năm của Hội đồng giáo sư nhà nước

Biểu 6: Phương án quy hoạch Mạng lưới tổ chức KH&CN giai đoạn 2021-2030 tầm nhìn đến năm 2050

Tổng số tổ chức tại thời điểm năm 2021: tổ chức

Tổng số tổ chức tại thời điểm năm 2030: tổ chức, tăng/giảm tổ chức

Tổng số tổ chức tại thời điểm năm 2050: tổ chức, tăng/giảm tổ chức

Chi tiết:

TT	Tên tổ chức KH&CN	Giai đoạn 2021-2030							Giai đoạn 2031-2050							Ghi chú
		Mức độ tự chủ ¹⁰	Giữ ổn định về tổ chức	Thực hiện kiện toàn tổ chức theo các phương án					Mức độ tự chủ	Giữ ổn định về tổ chức	Thực hiện kiện toàn tổ chức theo các phương án					
				Giảm ¹¹	Thành lập mới ¹²	Thay đổi về chức năng, nhiệm vụ	Thay đổi vị trí pháp lý ¹³	Chuyển đổi mô hình hoạt động thành công ty cổ phần			Giảm	Thành lập mới	Thay đổi về quy mô	Thay đổi vị trí pháp lý	Chuyển đổi mô hình hoạt động thành công ty cổ phần	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)
I	(Tên bộ, ngành)															
1	Tổ chức KH&CN công lập trực thuộc															
-	Tổ chức 1															
-	Tổ chức n															
2	Tổ chức KH&CN trực thuộc tổng cục và tương đương															

¹⁰ Theo 4 mức độ tự chủ tại khoản 2 Điều 5 Thông tư số 02/2021/TT-BKH&CN. Ghi theo 4 mức độ như sau: (a) tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư; (b) tự bảo đảm chi thường xuyên; (c) tự bảo đảm một phần chi thường xuyên; (d) do Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên.

¹¹ Giảm do giải thể hoặc bị sáp nhập, hợp nhất

¹² Gồm các trường hợp: thành lập mới, hoặc hình thành tổ chức mới trên cơ sở hợp nhất các tổ chức hiện có.

¹³ Còn được gọi là thay đổi cơ quan chủ quản trực tiếp. Ghi rõ tên cơ quan chủ quản trực tiếp mới (nếu có thay đổi này).

-	Tổ chức 1																		
-	Tổ chức n																		
3	Tổ chức KH&CN trực thuộc cục và tương đương																		
-	Tổ chức 1																		
-	Tổ chức n																		
4	Tổ chức KH&CN trực thuộc đơn vị sự nghiệp, doanh nghiệp trực thuộc Quý Cơ quan																		
-	Tổ chức 1																		
-	Tổ chức n																		
	Tổng cộng																		

Ghi chú: cột (4) đến (7), cột (8) đến (9), cột (11) đến (14), cột (16) đánh dấu (x) vào ô tương ứng

Biểu 7: Định hướng phân bố không gian Mạng lưới tổ chức KH&CN giai đoạn 2021-2030 tầm nhìn đến năm 2050

TT	Tên tổ chức KH&CN	Giai đoạn 2021-2030				Giai đoạn 2031-2050				Ghi chú
		Giữ ổn định về không gian	Thay đổi về không gian*			Giữ ổn định về không gian	Thay đổi về không gian*			
			Thay đổi về diện tích trụ sở làm việc, phòng thí nghiệm (m ²)	Thay đổi về diện tích khu thử nghiệm, trạm, trại, khu sản xuất... (m ²)	Thay đổi về không gian khác (nếu có) (m ²)		Thay đổi về diện tích trụ sở làm việc, phòng thí nghiệm (m ²)	Thay đổi về diện tích khu thử nghiệm, trạm, trại, khu sản xuất... (m ²)	Thay đổi về không gian khác (nếu có) (m ²)	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
I	(Tên bộ, ngành)									
1	Tổ chức KH&CN công lập trực thuộc									
-	Tổ chức 1									
-	Tổ chức n									
2	Tổ chức KH&CN trực thuộc tổng cục và tương đương									
-	Tổ chức 1									
-	Tổ chức n									
3	Tổ chức KH&CN trực thuộc cục và tương đương									
-	Tổ chức 1									
-	Tổ chức n									
4	Tổ chức KH&CN trực thuộc đơn vị sự nghiệp, doanh nghiệp trực thuộc Quý CQ									
-	Tổ chức 1									
-	Tổ chức n									

Ghi chú:

- (*) Nếu có thay đổi về địa điểm, vị trí, ghi rõ tại cột (11);
- cột (3) và cột (7) đánh dấu (x) vào ô tương ứng;
- cột (4) đến (6), cột (8) đến (10) ghi số diện tích tăng hoặc giảm, giảm đề dấu (-).

Biểu 8: Phương án quy hoạch bố trí sử dụng đất của Mạng lưới tổ chức KH&CN giai đoạn 2021-2030 tầm nhìn đến năm 2050

Đơn vị tính m²

TT	Tên tổ chức KH&CN	Giai đoạn 2021-2030		Giai đoạn 2031-2050		Ghi chú
		Giữ ổn định về diện tích đất sử dụng	Thay đổi về diện tích đất sử dụng*	Giữ ổn định về diện tích đất sử dụng	Thay đổi về diện tích đất sử dụng*	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
I	(Tên bộ, ngành)					
1	Tổ chức KH&CN công lập trực thuộc					
-	Tổ chức 1					
-	Tổ chức n					
2	Tổ chức KH&CN trực thuộc tổng cục và tương đương					
-	Tổ chức 1					
-	Tổ chức n					
3	Tổ chức KH&CN trực thuộc cục và tương đương					
-	Tổ chức 1					
-	Tổ chức n					
4	Tổ chức KH&CN trực thuộc đơn vị sự nghiệp, doanh nghiệp trực thuộc Quý Cơ quan					
-	Tổ chức 1					
-	Tổ chức n					

Ghi chú: - (*) Nếu có thay đổi về địa điểm, vị trí, ghi rõ tại cột (7);
- cột (3) đến (6) ghi số diện tích tăng hoặc giảm, giảm để dấu (-).

Biểu 9: Danh mục dự án quan trọng quốc gia, dự án đầu tư của ngành trong thời kỳ quy hoạch

Thứ tự ưu tiên	Tên dự án	Mục tiêu	Địa điểm	Ước tính tổng mức đầu tư (tỷ đồng)	Ghi chú
Giai đoạn 2021-2030					
1					(đã được phê duyệt)
2					(chưa được phê duyệt)
...					
Giai đoạn 2031-2050					
1					
2					
...					

**Biểu 10: Hiện trạng tình hình hoạt động KH&CN của các cơ sở giáo dục đại học¹⁴
(thống kê năm 2020)**

TT	Tên trường đại học	Hiện trạng nhân lực tham gia hoạt động KH&CN ¹⁵ (người)			Số lượng phòng thí nghiệm phục vụ nghiên cứu khoa học		Hiện trạng tài chính cho hoạt động KH&CN (triệu đồng)			Ghi chú
		Tổng số nhân lực	Trong đó		Tổng số	Trong đó	Tổng kinh phí chương trình, đề tài, dự án cấp quốc gia, cấp bộ, cấp tỉnh	Tổng kinh phí chi cho hoạt động KH&CN	Tổng thu từ hoạt động KH&CN ¹⁶	
			Tiến sĩ	Giáo sư, Phó Giáo sư						
I	(Tên bộ, ngành)									
1	Cơ sở giáo dục đại học trực thuộc bộ, ngành									
-	<i>Trường đại học 1</i>									
-	<i>Trường đại học n</i>									
2	Trường đại học trực thuộc (thành viên) Cơ sở giáo dục đại học trực thuộc bộ, ngành									
-	<i>Trường đại học 1</i>									
-	<i>Trường đại học n</i>									
3	Trường đại học trực thuộc tổng cục, cục và tương đương									
-	<i>Tổ chức 1</i>									
-	<i>Tổ chức n</i>									
4	Cơ sở giáo dục đại học trực thuộc đơn vị sự nghiệp, doanh nghiệp trực thuộc Quý Cơ quan									
-	<i>Tổ chức 1</i>									
-	<i>Tổ chức n</i>									

¹⁴ Thống kê nếu Quý cơ quan có cơ sở giáo dục thuộc phạm vi quản lý

¹⁵ Nhân lực có trên 30% thời gian làm việc tham gia hoạt động KH&CN, ký hợp đồng làm việc hoặc hợp đồng lao động với Nhà trường.

¹⁶ Tổng kinh phí thu từ hoạt động KH&CN thông qua các hợp đồng chuyển giao công nghệ, áp dụng kết quả nghiên cứu, bán sản phẩm khoa học và công nghệ, dịch vụ khoa học và công nghệ khác, và sản xuất - kinh doanh các sản phẩm là kết quả nghiên cứu.

**Biểu 10: Phương hướng phát triển hoạt động KH&CN của các cơ sở giáo dục đại học¹⁷
(giai đoạn 2025-2030)**

TT	Tên trường đại học	Dự kiến nhu cầu nhân lực cho hoạt động KH&CN ¹⁸ (người)		Dự kiến nhu cầu phòng thí nghiệm phục vụ nghiên cứu khoa học		Dự kiến nhu cầu tài chính cho hoạt động KH&CN (triệu đồng)			Ghi chú	
		Tổng số nhân lực	Trong đó		Tổng số	Trong đó	Tổng kinh phí chương trình, đề tài, dự án cấp quốc gia, cấp bộ, cấp tỉnh	Tổng kinh phí chi cho hoạt động KH&CN		Tổng thu từ hoạt động KH&CN ¹⁹
			Tiến sĩ	Giáo sư, Phó Giáo sư						
I	(Tên bộ, ngành)									
1	Cơ sở giáo dục đại học trực thuộc bộ, ngành									
-	<i>Trường đại học 1</i>									
-	<i>Trường đại học n</i>									
2	Trường đại học trực thuộc (thành viên) Cơ sở giáo dục đại học trực thuộc bộ, ngành									
-	<i>Trường đại học 1</i>									
-	<i>Trường đại học n</i>									
3	Trường đại học trực thuộc tổng cục, cục và tương đương									
-	<i>Tổ chức 1</i>									
-	<i>Tổ chức n</i>									
4	Cơ sở giáo dục đại học trực thuộc đơn vị sự nghiệp, doanh nghiệp trực thuộc Quý Cơ quan									
-	<i>Tổ chức 1</i>									
-	<i>Tổ chức n</i>									

¹⁷ Thống kê nếu Quý cơ quan có cơ sở giáo dục thuộc phạm vi quản lý

¹⁸ Nhân lực có trên 30% thời gian làm việc tham gia hoạt động KH&CN, ký hợp đồng làm việc hoặc hợp đồng lao động với Nhà trường.

¹⁹ Tổng kinh phí thu từ hoạt động KH&CN thông qua các hợp đồng chuyển giao công nghệ, áp dụng kết quả nghiên cứu, bán sản phẩm khoa học và công nghệ, dịch vụ khoa học và công nghệ khác, và sản xuất - kinh doanh các sản phẩm là kết quả nghiên cứu.